TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **14**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 20/01/2025. *V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình đối với không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Ngọc A, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt)*.

- Bi đơn: Ông Ngô Xuân P, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Tạ Thị Ngọc A (nguyên đơn) và ông Ngô Xuân P (bị đơn) có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại thôn A (Đ), xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống được với nhau 15 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, các bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống được nữa. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

- Về con chung: Có 04 người con chung tên Ngô Thị T, sinh năm 1991; Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1993; Ngô Xuân L, sinh năm 1998 và Ngô Xuân L1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày như sau:**

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau không đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng, các bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn đồng ý.

- Về con chung: Có 04 người con chung là: Ngô Thị T, sinh năm 1991; Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1993; Ngô Xuân L, sinh năm 1998 và Ngô Xuân L1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Điều"điều 28, 35, 39, 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều"điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tuyên bố nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc A và ông Ngô Xuân P không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến năm 2008 xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng không đăng ký kết hôn; vì vậy Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* là phù hợp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và có tổ chức lễ cưới báo với họ hàng hai bên gia đình và chung sống với nhau từ đó cho đến nay tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng không đăng ký kết hôn;

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì các bên bất đồng quan điểm sống nên các bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Căn cứ biên bản xác minh tại chính quyền địa phương được biết, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn.

HĐXX nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng không thể tiếp tục chung sống với nhau và không đăng ký kết hôn. Nay cùng có nguyện vọng yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có 04 người con chung tên Ngô Thị T, sinh năm 1991; Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1993; Ngô Xuân L, sinh năm 1998 và Ngô Xuân L1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều"điều 28, 35, 39, 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều"điều 14, 51, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Áp dụng Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Thị Ngọc A và ông Ngô Xuân P

2. Về con chung: Có 04 người con chung tên Ngô Thị T, sinh năm 1991; Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1993; Ngô Xuân L, sinh năm 1998 và Ngô Xuân L1, sinh năm 2002. Hiện đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2023/0013624 ngày 03/10/2024

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Khánh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH